

**NHẬN THỨC VỀ CẠNH TRANH TRONG QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ
THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM**

PERCEPTION OF COMPETITION IN THE PROCESS OF SOCIALIST - ORIENTED MARKET
ECONOMY REGIME COMPLETION IN VIETNAM

Nguyễn Thanh Trọng

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG – HCM – trongnt@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 28 tháng 3 năm 2014, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 15 tháng 4 năm 2014)

TÓM TẮT

Sau gần 30 năm đổi mới, nhận thức lý luận về cạnh tranh trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam đã có những thay đổi cơ bản. Cạnh tranh đã được thừa nhận và trở thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế. Tuy vậy, đến nay tình trạng độc quyền, chiếm lĩnh thị trường của khu vực DNNN và sự bất bình đẳng trong kinh doanh vẫn còn tồn tại trong nhiều ngành. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự tồn tại tình trạng này đó là việc đề cao vai trò kinh tế nhà nước trong đường lối phát triển kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu này đề xuất các kiến nghị tiếp tục thay đổi tư duy lý luận và nhận thức về cạnh tranh, vai trò của DNNN, xác định lại những lĩnh vực cần Nhà nước độc quyền và xóa bỏ tình trạng độc quyền kinh doanh của DNNN nhằm góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Từ khóa: cạnh tranh, thể chế kinh tế.

ABSTRACT

After nearly 30 years of economic reforms, theories on competition in the development of the Vietnam economy have fundamental changes. Competition has been recognized and becomes a driving force for the development of the economy. However, monopoly, market domination of SOEs and inequality in business still exist in many sectors of the Vietnam economy. One of the important causes leading to this problem is to enhance the role of the state sector in the way of economic development. This study proposes to keep changing theoretical thinking about competition and the role of SOEs; to determine the areas of the state monopoly; and to abolish the monopoly of SOEs in order to perfect the institutions of socialist-oriented market economy in Vietnam.

Key word: competition, economic institutions.

1. Lý luận về cạnh tranh trong cơ chế thị trường

➤ **Các quan điểm về cạnh tranh**

Cạnh tranh là sản phẩm tất yếu, là một trong những nguyên tắc cơ bản, tồn tại khách quan và là

động lực cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Theo Adam Smith: Cạnh tranh là tiền đề để bảo vệ tự do đối với những quyết định vì lợi ích bản thân từ việc có thể xảy ra tình trạng vô chính phủ hoặc hỗn loạn nhưng đúng hơn là sự

hoàn hảo về kinh tế, công bằng xã hội và thị trường mong muốn¹.

Theo UNDP và CIEM (2002): “Cạnh tranh có thể được hiểu là sự ganh đua giữa các doanh nghiệp trong việc dành một số nhân tố sản xuất hoặc khách hàng nhằm nâng cao vị thế của mình trên thị trường, để đạt được một mục tiêu kinh doanh cụ thể”².

Theo Porter (1998): Cạnh tranh là nhằm giành lấy thị phần, mà bản chất là tìm kiếm lợi nhuận, là khoản lợi nhuận cao hơn mức lợi nhuận trung bình mà doanh nghiệp đang có. Theo ông, kết quả của quá trình cạnh tranh sẽ làm cho giá cả có thể giảm xuống, làm bình quân hóa lợi nhuận trong ngành³. Còn theo Pittman (1999) thì toàn bộ ý nghĩa của khái niệm cạnh tranh là người mua được quyền chọn lựa. Những người mua này có thể là các doanh nghiệp khác hoặc các cá nhân người tiêu dùng. Theo ông, nếu người mua được chọn lựa trong số những người bán khác nhau thì sẽ có nhiều khả năng mua được những sản phẩm chất lượng cao với giá cả hợp lý⁴.

➤ Vai trò của cạnh tranh

Một là, cạnh tranh là nhân tố quan trọng để các nguồn lực trong nền kinh tế được phân bổ và sử dụng hiệu quả. Theo nhà kinh tế học Samuelson và Nordhalls (2002): “một trong những kết quả chủ yếu của kinh tế học khẳng định thị trường cạnh tranh phân bổ các nguồn lực

là có hiệu quả”⁵. Trong thị trường cạnh tranh, các yếu tố sản xuất được trả theo giá trị thị trường tương ứng với sự đóng góp của nó, mở ra cơ hội cho tất cả mọi người cùng tham gia vào thị trường và các doanh nghiệp được chịu trách nhiệm trong việc quyết định sử dụng các nguồn lực của mình. Đồng thời, để chiếm được ưu thế trong cạnh tranh các doanh nghiệp phải luôn cố gắng sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực trong quá trình sản xuất, kinh doanh sao cho chi phí bình quân trên mỗi đơn vị sản phẩm là thấp nhất. Như vậy, trong thị trường cạnh tranh, nguồn lực khan hiếm được phân bổ cho những hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất và tạo ra áp lực để các doanh nghiệp trong nền kinh tế phải sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực.

Hai là, cạnh tranh thúc đẩy việc cải tiến kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất và phương thức kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và giá bán sản phẩm và là động lực để doanh nghiệp mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất trong toàn xã hội.

Trong thị trường cạnh tranh, khi cung về một hàng hoá nào đó do nhiều doanh nghiệp độc lập cung cấp, cuộc cạnh tranh giữa những người bán trở nên gay gắt. Khi đó, giá cả thị trường giảm xuống, chỉ những doanh nghiệp nào đủ khả năng cải tiến công nghệ, kỹ thuật sản xuất, phương thức quản lý và hạ được giá bán sản phẩm mới có thể tồn tại. Với ý nghĩa đó, cạnh tranh có vai trò quan trọng kích thích việc ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong sản xuất. Khi thị trường cung về một hàng hoá nào đó thấp hơn cầu, thị trường về hàng hoá đó trở nên khan hiếm, giá cả thị trường đẩy lên cao tạo ra lợi nhuận cao hơn lợi nhuận bình quân. Khi đó, sẽ có những nguồn vốn mới đầu tư vào ngành này và các doanh nghiệp hiện có trong ngành sẽ đầu tư vốn xây dựng thêm

¹ Dẫn lại từ Lachmann, W. (1999), *Khía cạnh phát triển của luật và chính sách cạnh tranh*, Ấn phẩm của UNCTAD về vấn đề chính sách và luật cạnh tranh.

² UNDP và CIEM (2002), Các vấn đề pháp lý và thể chế về chính sách cạnh tranh và kiểm soát độc quyền kinh doanh, NXB Giao thông vận tải, tr.32

³ Porter, Michael E. (1998), *Chiến lược cạnh tranh*, Nhà xuất bản Trẻ, tr.37-38

⁴ Pittman, R.(1999), Tại sao phải có chính sách cạnh tranh – Đặc biệt đối với những nước đang phát triển, Tạp chí Điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ, tháng 2/1999, http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ej0299.html

⁵ Samuelson, P., Nordhalls, W. (2002), *Kinh tế học tập 1*, NXB Thống kê, tr.295

cơ sở sản xuất mới hoặc nâng cao năng lực sản xuất của những cơ sở sản xuất sẵn có. Đó là động lực làm tăng thêm lượng vốn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất trong toàn xã hội.

Ba là, cạnh tranh góp phần loại bỏ các doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả trong nền kinh tế. Cạnh tranh mạnh mẽ, bên cạnh thúc đẩy các doanh nghiệp xác định đưa ra mức giá gần hơn với các chi phí cận biên và từ đó phân bổ các đầu vào hiệu quả hơn. Cạnh tranh cũng có thể làm giảm sự mất cân đối và làm cho hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp dễ dàng so sánh hơn. Đồng thời, nó buộc các doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả phải cải tổ hoặc phải đối mặt với nguy cơ loại bỏ thị trường. Quá trình này, tất yếu sẽ có doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh nhờ làm ăn hiệu quả, đồng thời có doanh nghiệp bị phá sản do kinh doanh kém hiệu quả. Điều này cũng là một quy luật khách quan trong nền kinh tế thị trường và cũng cần nhận thấy rằng, việc phá sản doanh nghiệp không hoàn toàn mang ý nghĩa tiêu cực vì các nguồn lực của xã hội được chuyển sang cho doanh nghiệp khác tiếp tục sử dụng một cách hiệu quả hơn. Điều này thúc đẩy cả sự tiến bộ xã hội chứ không chỉ dừng lại ở tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất.

Bốn là, cạnh tranh góp phần nâng cao phúc lợi và chất lượng phục vụ cho người tiêu dùng. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp để bán hàng cho người tiêu dùng sẽ giữ giá sản phẩm trên thị trường ở mức thấp. Doanh nghiệp sẽ có những hành động nhằm làm giảm chi phí sản xuất nếu điều này có thể giúp họ bán cho nhiều người mua hơn và thu được nhiều lợi nhuận hơn đối thủ cạnh tranh. Nếu người mua muốn có những cải tiến chất lượng, doanh nghiệp sẽ cố tìm tòi khám phá và sẽ kiếm được nhiều tiền hơn bằng cách thoả mãn nhu cầu của người mua. Chính vì vậy, cạnh tranh buộc các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến cải tiến kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất và phương thức kinh doanh nhằm nâng cao chất

lượng, giảm giá thành, giá bán sản phẩm, thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mãi giới thiệu sản phẩm và chăm sóc khách hàng... Kết quả là người tiêu dùng được mua hàng hóa với giá cả phải chăng, chất lượng sản phẩm ngày càng cải thiện, đồng thời được hưởng các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo. Với ý nghĩa đó, cạnh tranh có vai trò nâng cao phúc lợi và chất lượng phục vụ người tiêu dùng.

Năm là, cạnh tranh giúp nền kinh tế thích ứng nhanh hơn với quá trình toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là xu thế tất yếu của thời đại và đặt ra nhiều thách thức với các nền kinh tế. Trong quá trình này, cạnh tranh thúc đẩy tính hiệu quả và năng suất cao hơn, tạo động cơ cho sự đổi mới và làm cho các doanh nghiệp thêm vững tin, năng động hơn và thích ứng nhanh hơn với quá trình toàn cầu hóa. Chính vì vậy, theo Angel Gurría (2009) các chính phủ nên có những biện pháp nhằm đảm bảo một môi trường cạnh tranh mạnh mẽ và công bằng giữa các thành phần kinh tế. Điều này sẽ giúp cho các nước có khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu, thu hút đầu tư và tạo ra việc làm cho người lao động của quốc gia mình⁶.

➤ Chính sách cạnh tranh

Theo báo cáo tổng hợp của Tổ chức Thương mại và Phát triển Liên Hợp Quốc (UNCTAD, 2000) thì chính sách cạnh tranh được đề cập trong Tuyên bố Doha là tập hợp những biện pháp chống hạn chế cạnh tranh, bao gồm cấm cartel, cấm lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và kiểm soát sáp nhập, mua lại⁷.

Mục tiêu cơ bản của chính sách cạnh tranh là tăng cường sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên thị trường bằng cách hạn chế những thất bại

⁶ Gurría, A.(2009), “Sức mạnh thần kỳ của cạnh tranh”,

<http://www qlct.gov.vn/Web/Content.aspx?distid=1801&lang=vi-VN>

⁷ UNCTAD (2000), Bộ quy tắc về chính sách cạnh tranh của Liên Hiệp Quốc, Liên Hợp Quốc - Geneva.

thị trường mang tính phân cạnh tranh của tư nhân cũng như những hoạt động làm bóp méo thị trường của chính phủ, nhằm đẩy mạnh hiệu quả kinh tế, nâng cao lợi ích của người tiêu dùng, thu hút đầu tư trong và ngoài nước và thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội. Ngoài mục tiêu hiệu quả kinh tế, hầu hết chính sách cạnh tranh của các nước đều tính đến những mục tiêu không có liên quan tới hiệu quả như sự công bằng, các cơ hội giành cho doanh nghiệp nhỏ, sự hội nhập thị trường, phát triển công nghệ,...

2. Quá trình nhận thức lý luận về cạnh tranh ở Việt Nam

Trước khi tiến hành đổi mới kinh tế ở Việt Nam, cạnh tranh trong kinh doanh được xem là một thuộc tính của kinh tế thị trường Tư bản chủ nghĩa (TBCN). Cạnh tranh sẽ gây nên tranh mua, tranh bán, dẫn đến phá sản doanh nghiệp và khủng hoảng kinh tế. Do đó, trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, cạnh tranh đã không được khuyến khích, không được nhìn nhận là một cơ chế hữu hiệu trong việc phân bổ nguồn lực của nền kinh tế. Nhà nước trực tiếp phân bổ nguồn lực cho sản xuất và tiêu dùng thông qua hệ thống kế hoạch⁸. Sự điều hành và kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước trong giai đoạn này đã không còn chỗ cho doanh nghiệp phát huy quyền chủ động, dẫn đến nền kinh tế trì trệ, khủng hoảng.

Thời kỳ này, độc quyền nhà nước được đề cao và tạo điều kiện để phát triển với những lý lẽ nhằm đảm bảo vai trò quản lý toàn diện các lĩnh vực trong nền kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng. Độc quyền được coi là yếu tố cần thiết để giữ vững ổn định chính trị và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Độc quyền nhà nước và độc

quyền doanh nghiệp được coi là đồng nhất. Sự tồn tại độc quyền trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực trong nền kinh tế đã gây ra những tổn thất nghiêm trọng đối với người tiêu dùng, hạn chế cơ hội tiếp cận thị trường của doanh nghiệp ở các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh,... kim hãm tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Đổi mới kinh tế ở Việt Nam được đánh dấu từ sự kiện Đại hội Đảng lần VI năm 1986 với những đột phá có tính căn bản trong tư duy lý luận, phê phán và từ bỏ cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, coi sản xuất hàng hoá và kinh tế hàng hoá không phải là sản phẩm riêng có của Chủ nghĩa tư bản (CNTB); đặt ra yêu cầu sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng. Sự thay đổi tư duy lý luận ngày càng mạnh mẽ hơn khi đến Đại hội VII năm 1991, Đảng đã thừa nhận sự tồn tại của “nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước”⁹.

Sau khi thực hiện đường lối đổi mới kinh tế của Đảng trong giai đoạn này, các chính sách kinh tế cũng đã có những thay đổi lớn: xoá bỏ ngăn sông cấm chợ, cho phép tự do giao lưu hàng hoá, thống nhất thị trường cả nước; tạo điều kiện và khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trực tiếp và tăng cường hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam;... Những năm đầu thập niên 90, đánh dấu sự ra đời của các chính sách xoá bỏ chế độ hai giá, áp dụng hệ thống giá thị trường; sửa đổi Luật Đầu tư nước

⁸ Xem phần thứ ba của Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981 - 1985) và những năm 80, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V, Cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản.

http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_to pic=222&id=BT590634851

⁹ Xem điểm 5, mục 3, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được thông qua tại Hội nghị giữa kỳ Đại hội VII. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản.

http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_to pic=224&id=BT2440654662.

ngoài, ban hành Luật Công ty; cho phép các công ty tư nhân trực tiếp xuất, nhập khẩu (1991); thực hiện chính sách thí điểm cổ phần hoá DNNN; ban hành Luật Phá sản, Luật DNNN (1992); sắp xếp lại hệ thống DNNN, thành lập các tổng công ty 90, 91 (1994); hội nhập với khu vực, trở thành thành viên ASEAN (1995);... Các chính sách này đã gỡ bỏ bớt các hàng rào gia nhập ngành đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh; thừa nhận cạnh tranh, giảm độc quyền và đặc quyền trong kinh doanh của DNNN;...

Đại hội VIII (1996) đã tổng kết 10 năm đổi mới và khẳng định: “Tiếp tục thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy mọi nguồn lực để phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.”¹⁰. Mặc dù vậy, vấn đề cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế vẫn chưa được xác định thành quan điểm chỉ đạo trong phát triển kinh tế nhiều thành phần. Đồng thời, Đảng cũng đặt ra yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo. Xác định những ngành và lĩnh vực cần tập trung nguồn lực để củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước”¹¹. Điểm nổi bật về cải cách môi trường kinh doanh và cạnh tranh trong giai đoạn này là sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 1999, giúp khu vực tư nhân thoát khỏi nhiều ràng buộc bởi các thủ tục hành chính bất hợp lý,

tạo ra những thay đổi mạnh mẽ đối với khu vực này.

Đến Đại hội IX (2001), Đảng đã khái quát mô hình nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH: “Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”¹². Có thể nói đây là một sự thay đổi lớn trong tư duy lý luận, từ nhận thức thị trường như một công cụ, một cơ chế quản lý kinh tế sang nhận thức thị trường là một chính thể, là cơ sở kinh tế của xã hội trong thời kỳ quá độ.

Quan điểm và nhận thức về vấn đề cạnh tranh, tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng được thể hiện rõ sau Đại hội IX. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá IX đã đặt ra yêu cầu: Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế để doanh nghiệp nhà nước kinh doanh tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác theo pháp luật; thực hiện độc quyền nhà nước trong những lĩnh vực cần thiết, nhưng không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Báo cáo kiểm điểm nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX cũng đặt ra yêu cầu khẩn trương xoá bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong giai đoạn này, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy cạnh tranh, giảm thiểu độc quyền và mở rộng cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nổi bật đó là: chính sách tạo hành lang pháp lý và xoá bỏ các rào cản tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và thành lập doanh nghiệp mới; chính sách chuyển đổi cơ cấu sở hữu DNNN thông qua quá

¹⁰ Xem điểm 1, mục I phần thứ hai, Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 – 2000, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản. http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=225&id=BT2980530357

¹¹ Xem điểm 1, mục 2 phần ba, Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 – 2000, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản. http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=225&id=BT2980530357.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, tr.85.

trình cổ phần hoá, giao, bán, khoán và cho thuê DNNN; chính sách mở cửa hội nhập vào nền kinh tế thế giới, cho phép đầu tư nước ngoài đầu tư vào một số lĩnh vực như viễn thông, ngân hàng, phân phối bán lẻ, y tế;... Đặc biệt là sự ra đời của Luật Cạnh tranh năm 2004, Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2005 (có hiệu lực pháp lý vào ngày 1/7/2006) điều chỉnh chung tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế không phân biệt hình thức sở hữu, và chủ trương đẩy mạnh cổ phần hoá DNNN kể các các tổng công ty 90, 91 là dấu mốc quan trọng về sự thay đổi trong tư duy, nhận thức về sự cần thiết phải khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong nền kinh tế Việt Nam.

Tại Đại hội X(2006), Đảng đã xác định quan điểm: Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường; tạo môi trường pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy hiệu quả các nguồn lực của xã hội cho phát triển, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, có trật tự, kỷ cương; thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xoá bỏ “chế độ chủ quản”¹³. Nghị quyết cũng đã đặt ra yêu cầu trong giai đoạn 2006 – 2010: “Thu hẹp những lĩnh vực Nhà nước độc quyền kinh doanh, xoá bỏ độc quyền doanh nghiệp”¹⁴; “ Xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu; Nhà nước chỉ

thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm”¹⁵.

Đến Đại hội XI (2011), Đảng nhấn mạnh mục tiêu: “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính” là 1 trong 3 đột phá trong Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội 2011-2020¹⁶; và đặt ra yêu cầu: “tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách và hệ thống thuế, cơ chế quản lý giá, pháp luật về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, bảo vệ người tiêu dùng, các chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công”¹⁷. Đồng thời, quan điểm về vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước có những thay đổi cơ bản, vai trò của thị trường được đề cao: “Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, định hướng phát triển, phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế”¹⁸. Tuy

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, tr.78&79.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, tr.80

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, tr.84

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, tr.106

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, tr.108

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, tr.206

nhien, Đại hội XI Đảng vẫn tiếp tục xác định quan điểm kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế và đồng thời đặt ra yêu cầu: “Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Từng bước xây dựng các doanh nghiệp mang tầm khu vực và toàn cầu”¹⁹.

Có thể khẳng định rằng, quá trình chuyển đổi nền kinh tế, thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần và mở cửa hội nhập đã làm thay đổi căn bản vai trò của nhà nước và thị trường trong nền kinh tế Việt Nam. Cạnh tranh đã được chấp nhận như một động lực phát triển, tăng hiệu quả kinh tế, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Tư duy lý luận của Đảng và các chính sách cụ thể của Nhà nước trong gần 30 năm qua thể hiện ngày càng rõ việc chấp nhận cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế là yêu cầu tất yếu không thể đi ngược lại với mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, đến nay, Đảng vẫn tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân, nhưng chưa xác định rõ thể nào là: "kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo", cần phải làm gì để "kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân" theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI²⁰ mà không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của thị trường, vì vậy tư tưởng bảo hộ và tình trạng độc quyền của khu vực DNNN vẫn còn tồn tại trong nhiều ngành của nền kinh tế. Cụ

thể như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam – EVN sản xuất và cung ứng 80% thị trường điện, độc quyền hoàn toàn truyền tải và bán điện tiêu dùng; Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam – Vinacomin chiếm 98% thị phần trên thị trường than; Tập đoàn Xăng dầu – Petrolimex chiếm gần 60% thị phần nhập khẩu và phân phối xăng dầu; Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - Vicem chiếm trên 50% thị phần xi măng; Tổng công ty Thép Việt Nam - VNSteel chiếm 35% thị phần thép;...²¹. Mặc dù có thị phần lớn và chiếm lĩnh nhiều lĩnh vực quan trọng nhưng hiệu quả kinh doanh của các TĐKT, TCT NN lại thấp. Theo số liệu của Bộ Tài chính (2013), tổng số nợ phải trả của các tập đoàn kinh tế (TĐKT), Tổng công ty Nhà nước (TCTNN) trong năm 2012 là 1.348.752 tỉ đồng, bằng 78,9% doanh thu; khoản nợ vay từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng là 402.955 tỉ đồng, tương ứng 1/3 tổng dư nợ của cả nền kinh tế; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu bình quân là 1,46 lần, trong đó có 48 đơn vị có hệ số này trên ba lần²². Bên cạnh đó, các TĐKT, TCTNN còn có thể tác động đến quá trình làm chính sách của các cơ quan chức năng, bộ chủ quản. Đây là những rào cản lớn cho quá trình cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển đất nước.

3. Kiến nghị

Một là, tiếp tục đổi mới tư duy, nhận thức về cạnh tranh và độc quyền trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

²¹ Vương Đình Huệ (2011), “Giải pháp chủ yếu nhằm tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước (Trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước)”, http://www.mof.gov.vn/portal/pls/portal/SHARED_AP.P UTILS.print_preview?p_page_url=http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/TCTDNNN&p_itemid=50649615&p_siteid=33&p_persid=48624555&p_language=vi

²² Báo cáo của Bộ Tài chính với Quốc hội vào tháng 11/2013, dẫn lại từ <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/151790/tap-doan-nha-nuoc--no-chiem-50--gdp.html>

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, tr.208

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, tr.74

Hiện nay, quan điểm, nhận thức về cạnh tranh vẫn chưa có sự nhất quán giữa chủ trương và chính sách, giữa chính sách và hành động thực thi, và hệ quả của nó là sự tồn tại độc quyền còn tương đối phổ biến ở nhiều ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế, hạn chế sự tham gia đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chính vì vậy, cần tiếp tục đổi mới tư duy và tạo sự thống nhất trong nhận thức về những lợi ích mang lại của cạnh tranh và những tác động tiêu cực của độc quyền. Sự đổi mới trong tư duy và nhận thức để thúc đẩy cạnh tranh và kiểm soát độc quyền, trước hết là :

- Phải nhận thức rằng, cạnh tranh là nguyên tắc cơ bản, là sức sống của kinh tế thị trường, do đó trong quá trình ban hành các văn bản pháp luật và chính sách điều hành nền kinh tế vĩ mô phải đảm bảo tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế, tránh tình trạng phân biệt đối xử.

- Độc quyền kinh doanh trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay còn phổ biến và gây ra nhiều tác động tiêu cực, do đó tiếp tục hạn chế, giảm thiểu, kiểm soát độc quyền là trách nhiệm và là mục tiêu trong quản lý kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

- Cạnh tranh không phải hiển nhiên sẽ tồn tại trong nền kinh tế và những can thiệp quá mức của Chính phủ vào nền kinh tế, đặc biệt là thông qua hệ thống DNNN sẽ gây ra những rào cản cho cạnh tranh và nuôi dưỡng tình trạng độc quyền. Do đó, phải thay đổi tư duy về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và chức năng kinh doanh của Nhà nước với tư cách là nhà đầu tư, phân biệt rõ kinh doanh và hoạt động phi lợi nhuận, kinh doanh và giải quyết các vấn đề xã hội.

- Phải đổi mới tư duy và nhận thức về cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hoá về kinh tế. Sự can thiệp và duy trì bảo hộ không là phương thức tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước; và để doanh nghiệp trong nước vươn ra thị trường thế giới trước hết thị trường trong nước phải có tính cạnh tranh cao.

Hai là, cần đặt đúng vai trò của DNNN trong nền kinh tế thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường, DNNN được xác định có vai trò chính là tham gia giải quyết các khuyết tật của thị trường bằng cách cung cấp các hàng hoá dịch vụ cần thiết cho xã hội trong những lĩnh vực tư nhân không muốn làm, hoặc không đủ khả năng làm, hoặc không được phép làm vì những lý do quốc phòng, an ninh.

Ở Việt Nam hiện nay, trong nhiều lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, DNNN vẫn chiếm thị phần chi phối và có sức độc quyền cao, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của cơ quan chính quyền trung ương, hoặc chính quyền địa phương. Tồn tại tình trạng này xuất phát từ quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, DNNN giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế và là công cụ để tham gia điều tiết vĩ mô và thực hiện các chức năng của nhà nước.

Duy trì quan điểm, tư duy phát triển kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo sẽ khó tránh khỏi tình trạng phân biệt đối xử giữa DNNN với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, tạo ra những trở ngại cho sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập. Vì vậy, thiết nghĩ cần đặt đúng vai trò của DNNN trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện chính sách tái cơ cấu DNNN để giảm thiểu tình trạng độc quyền, tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực của nền kinh tế trong giai đoạn mới.

Ba là, xác định lại những lĩnh vực Nhà nước cần độc quyền và xóa bỏ tình trạng độc quyền kinh doanh của DNNN.

Sau gần 30 năm chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng vai trò thị trường, giảm vai trò kinh tế của nhà nước, nhưng đến nay Nhà nước vẫn nắm giữ độc quyền kinh doanh ở nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật và tiềm lực tài chính, năng lực quản trị của khu vực tư ngày càng lớn mạnh và hơn hết là lợi ích từ cạnh tranh, đòi hỏi phải xác định lại những lĩnh vực cần Nhà nước độc quyền, những lĩnh vực cần tạo sự cạnh tranh để mang lại lợi ích chung cho nền kinh tế. Chẳng hạn như đối với thị trường điện, Nhà nước chỉ cần độc quyền trong khâu truyền tải điện, những khâu còn lại như sản xuất, phân phối và bán lẻ cần khuyến khích sự tham gia đầu tư kinh doanh của các thành phần kinh tế; hay trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Nhà nước chỉ cần độc quyền hoặc chi phối thị trường ở khâu cung cấp dịch vụ bến cảng, kho chứa chuyên dụng phục vụ xuất nhập khẩu, dự trữ cho các doanh nghiệp đầu mối nhằm giảm bớt các rào cản gia nhập ngành, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, nhập khẩu, phân phối và bán lẻ xăng, dầu;...

Bốn là, tách nhỏ một số TĐKT, TCT NN trong những lĩnh vực nhà nước không cần thiết phải độc quyền.

Việc tập trung kinh tế có tính hành chính để hình thành các tổng công ty 90, 91, các TĐKT đã gây ra những trở ngại lớn cho sự vận hành của cơ chế thị trường, thể chế cạnh tranh, hình thành những doanh nghiệp không cần thiết có vị thế độc quyền hay chi phối thị trường. Vì vậy, để thúc đẩy cạnh tranh trong nền kinh tế, cần tính đến việc chia tách một số TĐKT, TCT NN đang thống lĩnh thị trường thành các đơn vị nhỏ độc lập nhằm xóa bỏ thế độc quyền, khuyến khích cạnh tranh trên thị trường, như: chia tách EVN thành các doanh nghiệp độc lập kinh doanh, cung cấp

dịch vụ ở các khâu sản xuất, truyền tải và bán lẻ điện; chia tách Petrolimex để hình thành các doanh nghiệp độc lập kinh doanh ở các khâu sản xuất, xuất nhập khẩu, dịch vụ kho vận và bán lẻ xăng dầu.. Việc chia tách này cần đảm bảo các đơn vị mới có khả năng cạnh tranh với nhau, khu vực tư nhân trong và ngoài nước có khả năng gia nhập ngành để thúc đẩy cạnh tranh, tránh tình trạng hình thành những doanh nghiệp mới độc quyền ở từng khâu riêng lẻ trong một ngành.

KẾT LUẬN

Tư duy lý luận và các chính sách kinh tế trong gần 30 năm đổi mới thể hiện nhận thức ngày càng rõ việc chấp nhận cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế là yêu cầu tất yếu trong cơ chế thị trường, là động lực cho sự phát triển của nền kinh tế. Kết quả của quá trình này là cạnh tranh ngày càng được nâng cao, tình trạng độc quyền ngày càng giảm và mang lại những kết quả rất quan trọng cho sự phát triển của kinh tế Việt Nam trong thời kỳ qua. Tuy nhiên, về nhận thức lý luận Đảng vẫn tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân, nhưng chưa xác định rõ thế nào là "đóng vai trò chủ đạo", cần phải làm gì để kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành "nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân" và tình trạng độc quyền, kinh doanh kém hiệu quả của khu vực DNNN vẫn là tồn tại lớn, đã và đang đặt ra cần có những thay đổi trong nhận thức lý luận và cả về chính sách, hành động thực tiễn của Đảng và Nhà nước. Trong bối cảnh hiện nay, việc tiếp tục đổi mới tư duy, nhận thức về cạnh tranh theo hướng tôn trọng cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và cải cách, xóa bỏ tình trạng độc quyền của DNNN là không thể trì hoãn trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Xuân Bá (2012), “Tổng quan về tái cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam”, Kỳ yếu Diễn đàn kinh tế mùa xuân -2012, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và UNDP tại Việt Nam.
- [2]. CIEM và UNDP(2002), Các vấn đề pháp lý và thể chế về chính sách cạnh tranh và kiểm soát độc quyền kinh doanh, NXB Giao thông vận tải.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V*, http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvan_kien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=222&id=BT590634851 (cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản).
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvan_kien/vankiendang/?topic=191&subtopic=8&leader_topic=223. (cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản).
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvan_kien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=224&id=BT2440654662 (cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản).
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvan_kien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=225&id=BT2980530357(cơ sở dữ liệu Báo Điện tử Đảng cộng sản).
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia.
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Nghị quyết Hội nghị trung ương Đảng lần 3 khoá IX*, NXB Chính trị quốc gia.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia.
- [10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia.
- [11]. Gurria, A (2009), “Sức mạnh thần kỳ của cạnh tranh”, http://www qlct.gov.vn/Web/Content.aspx?di_stid=1801&lang=vi-VN
- [12]. Nguyễn Chí Hải, Nguyễn Thanh Trọng (2008), “Hoàn thiện chính sách cạnh tranh trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 356, tr 40 – 51.
- [13]. Vương Đình Huệ (2011), “Giải pháp chủ yếu nhằm tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước (Trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước)”, http://www.mof.gov.vn/portal/pls/portal/SHARED_APP UTILS.print_preview?p_page_url=http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/TCTDNNN&p_itemid=50649615&p_siteid=33&p_persid=48624555&p_language=vi
- [14]. Lachmann, W. (1999), *Khía cạnh phát triển của luật và chính sách cạnh tranh*, Ấn phẩm của UNCTAD về vấn đề chính sách và luật cạnh tranh.
- [15]. Phạm Viết Muôn (2012), “Phương hướng và giải pháp tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2015”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. <http://kinhtevadubao.vn/p0c285n11808/phuong-huong-va-giai-phap-tai-co-cau-doanh-nghiep-nha-nuoc-giai-doan-20112015.htm>
- [16]. Pittman, R. (1999), “Tại sao phải có chính sách cạnh tranh – Đặc biệt đối với những nước đang phát triển”, *Tạp chí Điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ*, tháng 2/1999, http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ej0299.html
- [17]. Porter, Michael E. (1998), *Chiến lược cạnh tranh*, Nhà xuất bản Trẻ.
- [18]. Samuelson, P., Nordhalls, W. (2002), *Kinh tế học tập 1*, NXB Thống kê.

- [19]. Tạp chí Xây dựng Đảng (-), Chuyên đề: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế của Việt Nam, http://www.xaydungdang.org.vn/Uploads/thu_huyen/Tailieu/CVC2013/6-Chuyen%20de%20Kinh%20te%20thi%20truong.doc.
- [20]. Nguyễn Thanh Trọng (2012), “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước nhằm xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng”, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, số 81, tr 22-28.
- [21]. UNCTAD (2000), Bộ quy tắc về chính sách cạnh tranh của Liên Hiệp Quốc, Liên Hợp Quốc – Geneva.